

**Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 19/5/2021
V/v: “Tranh chấp dân sự
hợp đồng vay tài sản và hui”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Đức Hôn

2. Bà Vũ Thị Minh Huệ

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2020/TLST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2020, về việc “Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản và hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 126/2021/QĐST-DS ngày 27.4.2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Trương Thị Thu H** – sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu phố 10, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H** - sinh năm 2000. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 8, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Bích H** – sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Trần Ngọc T** – sinh năm 1979. Có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, đại diện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Vào ngày 03.11.2017 (nhằm ngày 15.9.2017 âm lịch), nguyên đơn và một số người có tổ chức chơi huê, trong đó nguyên đơn là chủ huê, bà Nguyễn Thị Bích H là hội viên và tham gia hai phần huê mỗi phần là 5.000.000 đồng/tháng, đây huê gồm 21 hội viên tham gia, khai ngày 15.9.2017 (AL), mãn ngày 15.5.2019 (AL), với tổng giá trị là 200.000.000 đồng. Sau khi hót 02 phần huê, bà Nguyễn Thị Bích H không đóng cho nguyên đơn một khoản tiền huê nào mặc dù đã tới thời hạn kết thúc đây huê. Số tiền huê chết bà H còn thiếu của bà H là 200.000.000 đồng.

Ngày 08.6.2018, nguyên đơn có cho bà Nguyễn Thị Bích H vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 08.6.2018 đến ngày 08.6.2019, lãi suất là 1%/tháng, hai bên có làm hợp đồng vay tiền và cùng ký tên. Bà H có trả cho nguyên đơn tiền lãi trong 03 tháng (tháng 7, 8, 9 năm 2018) là 2.000.000/tháng, tổng cộng là 6.000.000 đồng. Hiện nay, đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà H không chịu trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn, mặc dù đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà H trả nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định số tiền huê chết bà H còn thiếu là 170.000.000 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị Bích H phải hoàn trả lại số tiền nợ huê là 170.000.000 đồng và số tiền vay 200.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 08.10.2018 đến ngày 19.5.2021 với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

*** Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:**

Bà H thừa nhận có tham gia chơi hai phần huê do bà H làm chủ, mỗi phần là 5.000.000 đồng/tháng. Bà H đã hót hai phần huê: phần huê thứ nhất hót được 86.000.000 đồng, phần huê thứ hai hót được 87.000.000 đồng, bà H là người đưa tiền hót huê cho bà H. Bà H thừa nhận có thiếu tiền huê chết hai phần là 170.000.000 đồng và bà đã trả cho bà H số tiền 170.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà H còn khai: Cách đây 03 năm bà H có vay tiền góp của bà H 200.000.000 đồng (lấy tiền nhiều lần), tiền lãi 40.000.000 đồng/tháng, nhưng bà H có trả cho bà H 220.000.000 đồng, còn thiếu lại 20.000.000 đồng. Trước đó bà H có vay tiền của bà H 200.000.000 đồng (vay nhiều lần), tiền lãi 60.000.000 đồng/tháng. Trong đó có tiền góp 130.000.000 đồng, hàng ngày bà H góp 2.600.000 đồng, mỗi tháng trả 26.000.000 đồng, ba năm sau bà H không có tiền, bà H cho bà mượn 70.000.000 đồng là đủ 200.000.000 đồng, tiền lãi 6.000.000 đồng/tháng. Bà H thừa nhận có ký tên vào giấy vay tiền do bà H giữ. Số nợ của bà H là nợ riêng của bà H, không liên quan đến nợ chung của vợ chồng bà. Bà H khai có trả 06 tháng tiền lãi cho bà H là 36.000.000 đồng. Hiện nay bà H chốt lại còn nợ bà H 220.000.000 đồng. Bà H có trả góp cho bà H một ngày là 1.200.000 đồng, bà trả được 04 tháng, trong

đó có 200.000 đồng tiền lãi. Sau đó, do bà trả không nổi nên xin bà H cho tiền lãi để bà trả nợ mỗi tháng 10.000.000 đồng, bà đã trả được 10 tháng. Do nợ nần nhiều bà H trả không nổi nên bỏ đi được khoảng 02 tháng rồi về và xin bà H cho trả một tháng 5.000.000 đồng nhưng bà H không đồng ý.

Tại biên bản hòa giải ngày 26.3.2021, bà H chốt lại và thừa nhận có nợ tiền của bà H là 220.000.000 đồng (trong đó có 200.000.000 đồng tiền vay và 20.000.000 đồng tiền lãi), bà H xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Ngọc T trình bày:

Ông T là chồng của bà Nguyễn Thị Bích H, việc bà H chơi huê và mượn tiền của bà H thì ông không biết, ông không hề thấy bà H cầm tiền về nhà nói là tiền hót huê và tiền mượn của bà H. Chiếc ghe hiện nay ông T đang làm ăn là do mẹ bà H cho vợ chồng ông, bà H không hề đưa tiền về để đầu tư ghe máy.

Tại phiên tòa, ông T có đơn xin xử vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với số tiền nợ huê chết bà H khai đã hót huê 02 phần và có đóng tiền huê chết cho bà H nhưng không được bà H thừa nhận và bà H cũng không có chứng cứ để chứng minh. Đối với khoản nợ vay 200.000.000 đồng thì bà H thừa nhận có vay và có ký tên vào hợp đồng vay, mặc dù trong hợp đồng có ghi mục đích vay để làm ghe và có tên ông Trần Ngọc T – chồng bà H, nhưng bà H khai là do bà tự ghi chú tại thời điểm này không có mặt ông T, ông T cũng không biết về việc chơi huê và tiền vay của bà H và bà H khai số tiền vay mượn, chơi huê là nợ riêng của bà. Đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn với mức 0,83%/tháng, tính từ ngày 08.10.2018 đến ngày xét xử là ngày 27.4.2021 đối với số tiền vay là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, buộc bà H phải trả cho bà H số tiền nợ huê chết 170.000.000 đồng, số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp.

Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Xét đơn khởi kiện của bà Trương Thị Thu H yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích H trả nợ vay, tiền huê và tiền lãi của khoản nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và hui, phía bị đơn có địa chỉ tại thôn khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:** Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Ngọc T có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hai bên để hòa giải nhưng không thỏa thuận được. Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 452.267.000 đồng (trong đó tiền huê 170.000.000 đồng, tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi của khoản vay), nhưng phía bị đơn chỉ thừa nhận nợ tiền của bà H là 220.000.000 đồng (trong đó có 200.000.000 đồng tiền vay và 20.000.000 đồng tiền lãi), bà H xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, còn tiền huê chết bà H đã trả cho bà H.

- Xét khoản nợ tiền hui chết: Các đương sự đều thừa nhận là bị đơn có tham gia chơi 01 dây huê 5.000.000 đồng do nguyên đơn làm chủ huê, huê khai ngày 15/9/2017 (âm lịch), mãn ngày 15/5/2019 (âm lịch), gồm 21 phần, hót chót 100.000.000 đồng, dây huê này bị đơn tham gia chơi 02 phần huê. Vào tháng 10/2017 (âm lịch) bị đơn hót phần huê đầu và nguyên đơn đã đưa đủ tiền hót huê cho bị đơn, phần huê này bị đơn còn nợ lại 19 kỳ huê chết. Đến tháng 12/2017 (âm lịch) bị đơn hót phần huê thứ hai và nguyên đơn đã đưa đủ tiền hót huê cho bị đơn, phần huê này bị đơn còn nợ lại 17 kỳ huê chết. Như vậy, bị đơn còn nợ nguyên đơn 36 kỳ huê chết, tuy nhiên bị đơn đã đóng cho nguyên đơn 02 kỳ huê chết của phần đầu tiên với số tiền 10.000.000 đồng nên còn nợ lại 34 kỳ huê chết với số tiền 170.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn trình bày là đã đóng đủ 34 kỳ huê chết với số tiền 170.000.000 đồng nhưng ngoài lời trình bày thì bị đơn không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh và phía nguyên đơn cũng không thừa nhận đã nhận số tiền huê chết 170.000.000 đồng do bị đơn đóng. Do đó không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của bị đơn.

- Xét khoản nợ vay: Đối với khoản vay 200.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận có ký tên vào hợp đồng cho vay tiền ngày 08.6.2018. Trong hợp đồng vay có ghi tên ông Trần Ngọc T – là chồng bà H và mục đích vay tiền để làm ghe, nhưng lời khai của bà H trình bày là do bà H tự ghi tên chồng vào hợp đồng vay tiền chứ tại thời điểm vay tiền không có mặt ông T, còn số tiền vay không phải để làm ghe mà là nợ riêng của bà H, lời khai của ông T trình bày không biết về khoản nợ vay, huê của bà H và nguyên đơn chỉ yêu cầu bà H trả nợ. Vì vậy, đây là khoản nợ riêng của bà H.

Ngoài ra, các khoản tiền mà bị đơn khai đã trả góp cho nguyên đơn thì nguyên đơn không thừa nhận. Đối với tiền lãi mà bị đơn khai đã trả nhiều lần cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn chỉ thừa nhận có nhận tiền lãi của bị đơn là 6.000.000 đồng.

Ngoài ra, bị đơn cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả nợ cho nguyên đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn chỉ chấp nhận trả số tiền 220.000.000 đồng (trong đó có 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi). Xét về thời hạn của hợp đồng cho vay tiền ngày 08.6.2018 thì thời hạn vay là 01 năm tính từ ngày 08.6.2018 đến 08.6.2019, thì đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bị đơn chưa trả tiền cho nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H đã vi phạm nghĩa vụ được các bên thỏa thuận trong hợp đồng, do đó bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc 200.000.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

- Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 0,83%/tháng, tính từ ngày 08.10.2018 đến ngày xét xử là ngày 19.5.2021 là 31 tháng 11 ngày, trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ mức lãi suất cụ thể. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, thì mức lãi suất là 10%/năm, tương đương 0,83 %/tháng là phù hợp, cụ thể: $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83 \% / \text{tháng} \times 941 \text{ ngày} : 30 = 52.068.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng cộng số tiền hội, tiền vay và tiền lãi của khoản vay mà bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H phải trả cho nguyên đơn bà Trương Thị Thu H là: $170.000.000 \text{ đồng} + 200.000.000 \text{ đồng} + 52.068.000 \text{ đồng} = 422.068.000 \text{ đồng}$ (Bốn trăm hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu số tiền 20.882.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trương Thị Thu H số tiền 10.600.000 đồng số tiền TUAP đã nộp theo biên lai số 0022754 ngày 19.5.2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 357, Điều 463 và 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015;
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích H phải trả cho bà Trương Thị Thu H số tiền 422.068.000 đồng (Bốn trăm hai mươi hai triệu không trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu số tiền 20.882.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trương Thị Thu H số tiền 10.600.000 đồng số tiền TUAP đã nộp theo biên lai số 0022754 ngày 19.5.2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/5/2021). Ông Trần Ngọc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L Trương Văn Minh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.La Gi;
- Chi cục THADS.tx.La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn

